

Số: 928 /NĐCP-KHĐT-VT

Cẩm Phả, ngày 27 tháng 09 năm 2024

V/v: Thư mời chào giá lập dự toán vật tư

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP đang có nhu cầu mua sắm vật tư PCCC.

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP kính mời Quý Công ty tham gia chào giá với nội dung như sau:

I. Yêu cầu về hàng hóa

1. Thông tin về vật tư cần mua:

- Tên đơn hàng: Mua sắm vật tư PCCC
- Chi tiết Đơn hàng : 173/ĐH-NĐCP ngày 27/9/2024

Lưu ý: Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

- Đơn vị tham gia chào giá cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp (bản công chứng); Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có). (Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH).
- Đơn giá, tổng giá trị phải được chào bằng VNĐ và được hiểu là giá giao tại kho bên mua và đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của Nhà nước. Chào giá (ghi đầy đủ hãng/nước sản xuất)
- Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu là 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp báo giá được ghi trong bản yêu cầu.
- Thời gian giao hàng: giao hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo giao hàng của Bên A, Thời gian thực hiện hợp đồng đến hết ngày 31/12/2024
- Thời gian thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

b. Yêu cầu về hàng hóa

- Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng. Với các mục hàng nhập khẩu: Cấp CO, CQ (CO do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam). Với các mục hàng sản xuất trong nước: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa, riêng các mục hàng có đơn giá từ 20 triệu trở lên hoặc tổng giá trị sau thuế từ 50 triệu trở lên yêu cầu cấp CQ của nhà sản xuất.
- Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải cung cấp tài liệu bao gồm: Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác (có đóng dấu xác

nhận của nhà sản xuất) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa. Văn bản của nhà sản xuất (Có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất) khẳng định và cam kết hàng hóa do nhà thầu đề xuất tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trường hợp Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu khác của nhà sản xuất do nhà thầu cung cấp không được viết bằng tiếng Việt thì nhà thầu phải gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực. Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt mà không gửi kèm dịch sang tiếng Việt (hoặc không bổ sung được theo yêu cầu của Bên mời thầu) Thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật.)

- Hàng hóa được sản xuất từ năm 2023 trở lại đây.
- Nhà cung cấp có thể chào giá cho từng phần hoặc toàn bộ hàng hóa theo thư mời.

II. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

1. Hình thức chào giá

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- BCG (theo biểu mẫu đính kèm)

- Hình thức báo giá: ghi rõ nội dung: **Bản chào giá theo thư mời số 928 /NDCP-KHĐTVT ngày 27/09/2024** gửi email, gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau:

Địa chỉ nhận bản chào giá:

- Phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư - Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.
- Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Cán bộ phụ trách: Đinh Thị Phong Lan; Điện thoại: 0775346899
- Email: dinhlan3001@gmail.com
- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào 10 giờ 00' ngày 03/10/2024.
- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP mời các nhà cung cấp đã nộp BCG chứng kiến và xác nhận việc mở BCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở BCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các nhà cung cấp.
- Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (B/c)
- Trang Web TKV (đăng tải);
- Trang Web ĐLTKV (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC;
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu Văn thư, ĐTPL(1).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Hoàng Lân

Bảng kê chi tiết đơn hàng

(Đính kèm thư mời chào giá số 928/NĐCP-KHĐTVT ngày 27 tháng 09 năm 2024)

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1.	Ắc quy 12V/7Ah/20Hr	Ắc quy 12V/7Ah/20Hr		Cái	14	
2.	Bộ nguồn kiểu địa chỉ AMPS- 24E	- Đầu vào 220V/240VAC - Đầu ra 24VDC - Dòng điện 1.5A		Cái	1	
3.	Bơm bù áp chữa cháy	CDL8-18FSWPR; đ/c; YB2-132S2- 2; P=7,5 kW, I=14,5A, U=380V, r=2920v/p Bơm: CDL8-18FSWPR; Q=8m3/h, H=167m, P=7,5 kW, n=2920 v/p Có kiểm định của công an PCCC		Cái	2	
4.	Công tắc áp lực	PS10-1A		Cái	5	
5.	Đầu báo khói FSP-951/24VDC	(kèm chân đế B501) do hãng Notifier sản xuất Có kiểm định của công an PCCC		Cái	71	Hoặc tương đương
6.	Đầu báo nhiệt FST 951/24VDC	(kèm chân đế B501) do hãng Notifier sản xuất Có kiểm định của công an PCCC		Cái	27	Hoặc tương đương
7.	Đầu báo nhiệt:	Model:CM-WS26L (điện áp 24V DC; dòng điện 30mA) Bao gồm cả đế		Cái	10	
8.	Đầu phun Sprinkler (loại kín)	DN15 1/2" Inox 304, ren ngoài hướng lên Có kiểm định của công an PCCC		Cái	51	
9.	Khóa mở trụ nước chữa cháy	(dùng cho trụ nước chữa cháy SHINYI DN100)		Cái	15	
10.	Modul cách ly ISO-X	do hãng Notifier sản xuất (U=15- 32VDC; I cực đại= 17mA; I trung bình=450μA)		Cái	10	Hoặc tương đương
11.	Modul điều khiển FRM-1	do hãng Notifier sản xuất (U=15- 32VDC; I= 6.5mA)		Cái	10	Hoặc tương đương
12.	Modul điều khiển mạch Loop LCM LCM320	Modul điều khiển mạch Loop LCM320 do hãng Notifier sản xuất		Cái	1	Hoặc tương đương
13.	Modul điều khiển	mạch Loop mở rộng LEM320 do hãng Notifier sản xuất		Cái	1	Hoặc tương đương
14.	Modul giám sát FCM -1	Module FCM-1 do hãng Notifier sản xuất (U=15-32VDC; I cực đại= 6.5mA; I trung bình=350μA)		Cái	5	Hoặc tương đương
15.	Modul giám sát FMM -101	Module FMM-01 do hãng Notifier sản xuất (U=15-32VDC; I cực đại= 6.5mA; I trung bình=270μA)		Cái	10	Hoặc tương đương

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
16.	Modul giám sát FZM -1	Module FZM-1 do hãng Notifier sản xuất (U=15-32VDC; I _{lực} đại= 5.1mA; I _{trung bình} =270 μ A)		Cái	11	Hoặc tương đương
17.	Modul truyền thông NCM-F	Modul truyền thông NCM-F do hãng Notifier sản xuất		Cái	1	Hoặc tương đương
18.	Nút ấn báo cháy M400K	kèm vỏ bọc chống nước SAP-M001FS-T, IP66 do hãng Notifier sản xuất Có kiểm định của công an PCCC		Cái	9	Hoặc tương đương
19.	Nút ấn M400K	do hãng Notifier sản xuất Có kiểm định của công an PCCC		Cái	28	Hoặc tương đương
20.	Tổ hợp chuông đèn báo cháy	SYS-HS, do hãng Notifier sản xuất Có kiểm định của công an PCCC		Cái	14	Hoặc tương đương
21.	Trụ cấp nước chữa cháy	SHINYI DN100 (Đầu ra gồm: 02 đầu DN65 và 01 đầu DN100) Có kiểm định của công an PCCC		Cái	5	
22.	Van cảnh báo cháy	AV1, DN150, PN16 (bao gồm cả bộ Trim điều khiển) Có kiểm định của công an PCCC		Cụm	2	
23.	Van cổng	DN150 PN16; KT: 267mm, van ty chìm, mặt bích 8 lỗ; VL gang		Cái	5	
24.	Van điện từ	24V 6213A		Cái	7	
25.	Van	DN100, PN16 (KT: L=229, tâm lỗ 180)		Cái	3	
26.	Van xả tràn	DV5, DN100, PN16 (bao gồm cả bộ Trim điều khiển) Có kiểm định của công an PCCC		Cụm	1	
27.	Van xả tràn	DV5, DN150, PN16(bao gồm cả bộ Trim điều khiển) Có kiểm định của công an PCCC		Cụm	1	
28.	Bình chữa cháy	ABC 8kg (TOMOKEN) Có kiểm định của công an PCCC		Bình	160	
29.	Bình chữa cháy	CO2 (5kg) (TOMOKEN) Có kiểm định của công an PCCC		Bình	40	
30.	Bình chữa cháy	CO2 (3kg) (TOMOKEN) Có kiểm định của công an PCCC		Bình	20	
31.	Bình chữa cháy	ABC 4kg (TOMOKEN) Có kiểm định của công an PCCC		Bình	40	
32.	Bình chữa cháy xe đẩy Tomoken	Bột ABC-35kg Có kiểm định của công an PCCC		Bình	4	
33.	Vòi chữa cháy D65	(ngâm nổi nhanh, khớp nối ngoài dài 20m; áp suất làm việc 17 Bar (Đức) Có kiểm định của công an PCCC		Cuộn	40	
34.	Vòi chữa cháy D65	(Tomoken) Có kiểm định của công an PCCC		Cuộn	40	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
35.	Vòi chữa cháy D50	(có đầu nổi) H45 Có kiểm định của công an PCCC		Cuộn	14	
36.	Lăng phun chữa cháy D65	(lăng A) Có kiểm định của công an PCCC		Cái	20	
37.	Lăng phun chữa cháy D50	(lăng B) Có kiểm định của công an PCCC		Cái	6	
38.	Khớp nối trung gian họng nước cứu hỏa	(77-65)		Cái	16	
39.	Khớp nối trung gian họng nước cứu hỏa	(65-50)		Cái	2	
40.	Đầu chuyển đổi có ren trong,	đường kính 66mm (Ngàm ren trong DN65)		Cái	40	
41.	Van góc cứu hỏa	DN65 Có kiểm định của công an PCCC		Cái	40	
42.	Xèng chữa cháy + cán gỗ	Xèng chữa cháy + cán gỗ		Cái	30	
43.	Chắn chiên cứu hỏa	Chắn chiên cứu hỏa		Cái	30	
44.	Câu liêm chữa cháy + cán 2,5m	Câu liêm chữa cháy + cán 2,5m		Cái	15	
45.	Xô tôn	loại 10L (sơn màu đỏ)		Cái	40	
46.	Bộ Tiêu lệnh Phòng cháy chữa cháy	(Gồm tiêu lệnh PCCC, biển "Cấm lửa", "Cấm hút thuốc")		Bộ	40	
47.	Bọt chữa cháy Foam 3%	(cho xe chữa cháy và bổ sung bình bọt tại trạm dầu) Có kiểm định của công an PCCC		Lít	1000	
48.	Hộp đựng bình chữa cháy;	KT: (800x500x220)mm; có chân và mái, chân cao 100mm, KT: kính mặt trước (200x400)mm; VL: inox SUS304 dày 1mm		Chiếc	15	
49.	Hộp đựng bình chữa cháy;	KT: (700x500x220)mm; có chân và mái, chân cao 100mm, KT: kính mặt trước (200x400)mm; VL: inox SUS304 dày 1mm		Chiếc	30	
50.	Tủ đựng lăng vòi chữa cháy	KT: 800x650x240 mm, Inox 304 dày 1mm (tủ chia đều 2 ngăn; có kính phía trước; KT kính 400x250)		Chiếc	30	
51.	Tủ đựng lăng vòi chữa cháy	KT: 800x650x240 mm, Inox 304 dày 1mm (tủ chia đều 2 ngăn; có kính phía trước; KT kính 400x250; có chân và mái)		Chiếc	15	
52.	Đèn exit	(loại có chỉ hướng bên phải) XF-BLZD-2LREI 3WA Có kiểm định của công an PCCC		Cái	20	

STT	Tên vật tư	Quy cách – Thông số kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
53.	Đèn exit	(loại có chỉ hướng bên trái) XF-BLZD-2LREI 3WA Có kiểm định của công an PCCC		Cái	15	
54.	Đèn exit	(loại không chỉ hướng) XF-BLZD-2LREI 3WA Có kiểm định của công an PCCC		Cái	50	
55.	Đèn chiếu sáng sự cố	XF-ZFZD-E3WA Có kiểm định của công an PCCC		Cái	60	
56.	Bình chữa cháy tự động kích hoạt ABC	loại 6kg Có kiểm định của công an PCCC		Bình	60	
57.	Ba chạc chữa cháy	(Đầu vào DN65 và 3 đầu ra bao gồm 1 đầu DN65 + 2 đầu DN50) áp lực làm việc 2.0Mpa; khóa mở tay gạt; vật liệu hợp kim nhôm Có kiểm định của công an PCCC		Cái	1	
58.	Giày thể thao Wika	(phục vụ huấn luyện) (Cỡ 44÷45=6, 43=4, 42=15, 41=6, 40=2)		Đôi	33	
59.	Quần áo chữa cháy	(màu vàng, theo Thông tư 48 của bộ công an; Số 6=16 bộ, số 5=11 bộ, số 4=6 bộ; bao gồm quần, áo, gang tay, mũ, khẩu trang-không lấy ủng)		Bộ	33	
60.	Bình dưỡng khí carbon	RHZK6.8/30 (bao gồm dây đeo, van cảnh báo, đồng hồ, van giảm áp, mặt nạ và dây kết nối mặt nạ bình dưỡng khí ...)		Bộ	2	
61.	Mặt nạ phòng độc	3M6800, bao gồm cả phin lọc		Cái	6	
62.	Quần áo chịu nhiệt amiăng	(gồm mũ trùm đầu, ủng chịu nhiệt, găng tay chịu nhiệt, túi đựng) 1000 độ C		Bộ	2	
63.	Bình chữa cháy	ORION VinaFoam 6 lít OR-6 (Có kiểm định) Có kiểm định của công an PCCC		Bình	10	
64.	Chai thử khói	Solo-A5-001 (250ml)		Chai	8	

**BIỂU MẪU BẢN CHÀO GIÁ
BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA**

Ngày: (Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)

Tên đơn hàng: (Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số hiệu đơn hàng: (Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)

Số TT (Theo thư mời)	Tên vật tư, hàng hóa	Quý cách – Thông số kỹ thuật		Đơn vị tính	Hãng/ nước sản xuất		Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (VNĐ)		Thành tiền sau thuế (VNĐ)
		Theo thư mời	Chào giá		Theo thư mời	Chào giá (ghi đầy đủ hãng/ nước sản xuất)				8%	10%	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hàng hóa thứ nhất.
2	Hàng hóa thứ nhất.
n	Hàng hóa thứ n
Tổng giá trị								

1. Giao hàng:

a) Thời gian giao hàng:

b) Địa điểm giao hàng:

c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: (Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).

4. Bảo hành (nếu có):

5. Hiệu lực báo giá :

6. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàn (nếu có):

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: ở cột số (9); (10): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT ở cột áp dụng thuế suất GTGT tương ứng với hàng hóa)